

TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
Số: 1783 /TVĐ4-P2

V/v công bố thông tin báo cáo tài
chính quý III/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2015

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- 1- Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4
- 2- Mã chứng khoán: TV4
- 3- Địa chỉ trụ sở chính: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- 4- Điện thoại: 058.3563999 Fax: 058.3563888
- 5- Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Thành Danh
- 6- Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1- Báo cáo tài chính quý III năm 2015 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 được lập ngày 19 tháng 10 năm 2015 bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính.
 - 6.2- Nội dung giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế (LNST) so với cùng kỳ năm 2014: LNST quý III/2015 của Công ty giảm 9.618 triệu đồng so với quý III/2014. Nguyên nhân: trong quý III/2014 Công ty nhận được Nghị quyết tạm ứng cổ tức 10% (10.385 triệu) từ việc đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn; quý III/2015 Công ty không có khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư này.

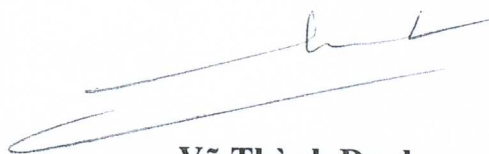
7- Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pecc4.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P2, VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Vũ Thành Danh



EVNPECC4

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 4

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP QUÝ III - 2015

Khánh Hòa, tháng 10 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.218.215.957	134.137.748.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.706.277.637	30.619.889.296
1. Tiền	111		9.706.277.637	7.819.889.296
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	22.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.324.836.105	88.919.489.824
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	69.709.067.741	98.352.616.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.855.276.846	3.319.577.112
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.580.783.202	2.067.587.718
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.820.291.684)	(14.820.291.684)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7.061.473.595	14.593.241.017
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7.061.473.595	14.593.241.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.628.620	5.127.927
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	5.127.927
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	125.628.620	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.190.913.816	132.478.658.339
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.082.336.984	2.092.336.984
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	2.012.336.984	2.012.336.984
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		70.000.000	80.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.339.130.632	23.097.069.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.112.375.841	7.708.091.151
- Nguyên giá	222		31.558.167.135	30.292.582.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.445.791.294)	(22.584.490.984)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.226.754.791	15.388.978.804
- Nguyên giá	228		18.797.483.911	18.762.715.255
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.570.729.120)	(3.373.736.451)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		106.400.000.000	106.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	103.850.000.000	103.850.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	2.550.000.000	2.550.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.369.446.200	889.251.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.369.446.200	889.251.400
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233.409.129.773	266.616.406.403

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		64.512.433.725	93.232.982.499
I. Nợ ngắn hạn	310		60.512.433.725	85.837.435.317
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.164.464.094	7.351.021.754
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	33.071.957.367	27.804.540.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.532.388.578	5.295.745.360
4. Phải trả người lao động	314	V.14	4.733.902.805	12.560.181.688
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	842.760.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.405.820.429	19.684.332.818
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	-	4.950.399.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.603.900.452	7.348.453.962
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.000.000.000	7.395.547.182
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	4.000.000.000	7.395.547.182
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

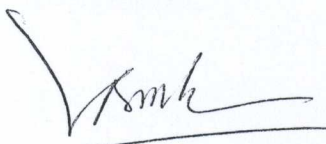
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.896.696.048	173.383.423.904
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	168.896.696.048	173.383.423.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.996.140.000	145.996.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.996.140.000	145.996.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(15.784.110.000)	(15.784.110.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(745.850.060)	(745.850.060)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.753.260.607	26.753.260.607
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.721.694.867	1.721.694.867
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.955.560.634	15.442.288.490
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.978.381.075	15.442.288.490
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.977.179.559	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		233.409.129.773	266.616.406.403

Người lập biểu

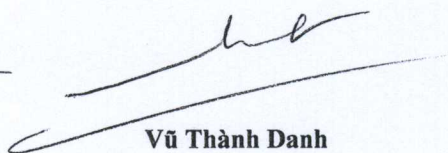
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Lê Thanh Bình



Vũ Thành Danh



Phạm Minh Sơn

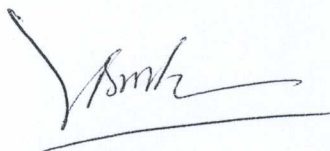
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2015

Đơn vị tính: đồng

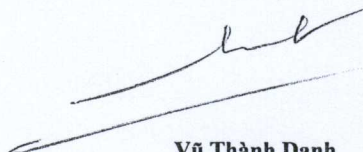
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.941.655.830	33.684.021.495	94.879.373.039	69.011.156.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.941.655.830	33.684.021.495	94.879.373.039	69.011.156.821
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.904.168.035	26.253.496.749	69.283.911.573	50.709.085.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.037.487.795	7.430.524.746	25.595.461.466	18.302.071.129
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	144.464.450	10.391.703.237	5.552.202.020	10.451.448.777
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	78.815.737	290.484.129	242.769.346	944.703.359
Trong đó: chi phí lãi vay	23		78.815.737	290.468.449	238.047.675	902.212.893
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.553.361.332	5.507.514.222	18.243.119.820	13.162.533.967
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.549.775.176	12.024.229.632	12.661.774.320	14.646.282.580
11. Thu nhập khác	31	VI.6	885.000	128.974.000	885.000	132.932.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	15.814.587	-	81.620.046	26.412
13. Lợi nhuận khác	40		(14.929.587)	128.974.000	(80.735.046)	132.905.588
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.534.845.589	12.153.203.632	12.581.039.274	14.779.188.168
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	557.666.030	389.004.799	1.625.478.640	966.727.208
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.977.179.559	11.764.198.833	10.955.560.634	13.812.460.960
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	136	809	754	950
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	136	809	754	950

Người lập biểu



Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng



Vũ Thành Danh

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2015

Ông Giám đốc



Phạm Minh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.581.039.274	14.779.188.168
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.058.292.979	1.208.361.423
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	18.584.608	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.245.751.602)	-
- Chi phí lãi vay	06	238.047.675	902.212.893
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.650.212.934	16.889.762.484
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	466.746.468	7.222.410.992
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.894.857.792	(36.798.273)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.165.319.063	(5.496.822.425)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(578.657.290)	(82.419.408)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(46.686.519)	(83.567.059)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.300.964.329)	(351.355.583)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.659.751.000)	(7.602.079.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.599.077.119	10.459.131.228
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.433.882.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	21.192.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(1.412.689.046)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Khánh Hòa

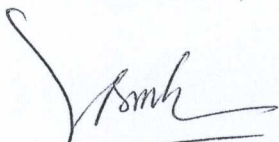
Mẫu số B03 - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

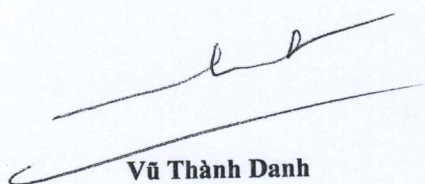
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số liệu	
			Năm 2015	Năm 2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.000.000.000	19.714.383.398
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.512.688.778)	(31.097.622.476)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.512.688.778)	(11.383.239.078)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.913.611.659)	(2.336.796.896)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.619.889.296	4.166.428.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.706.277.637	1.829.631.434

Người lập biểu

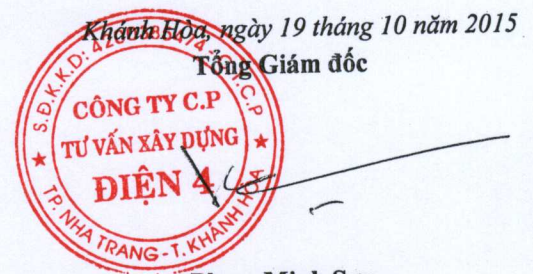
Kế toán trưởng



Trần Lê Thanh Bình



Vũ Thành Danh



Phạm Minh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ tư vấn
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

6. Cấu trúc Công ty:

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn có trụ sở chính tại Tầng 7 Khách sạn Biệt Điện, số 01 Ngô Quyền, phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng và quản lý điều hành Nhà máy Thủy điện Srêpok 4A. Tại ngày kết thúc quý III/2015, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 31%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh phía Bắc	Lô số 3 – TT4 – Ngõ 183 - Phố Hoàng Văn Thái - Phường Khương Trung - Quận Thanh Xuân – TP. Hà Nội
- Chi nhánh phía Nam	Số 46/8 Đường Trần Quý Khoách - Phường Tân Định - Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính quý III/2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày 30/9/2015 Công ty có 469 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 493 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính quý III/2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính quý III/2015.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Xe máy

Xe máy được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khác được phân bổ theo thời gian sử dụng thực tế phí tra cứu văn bản pháp luật trực tuyến.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm (theo thời gian giao đất), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.036.595.879	161.219.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.669.681.758	7.658.670.296
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	22.800.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>17.000.000.000</u>	<u>22.800.000.000</u>
Cộng	<u>26.706.277.637</u>	<u>30.619.889.296</u>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 số dư tài khoản tiền gửi không kỳ hạn với số tiền là 8.669.681.758 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn ⁽ⁱ⁾	103.850.000.000	-	-	103.850.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác⁽ⁱⁱ⁾						
- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội	458.360.000	-	-	458.360.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội	1.041.640.000	-	-	1.041.640.000	-	-
Cộng	<u>106.400.000.000</u>	-	-	<u>106.400.000.000</u>	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn 103.850.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

- (ii) Trong kỳ hoạt động của các Công ty mà đơn vị đầu tư góp vốn vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn là công ty liên kết như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm 2015	Năm 2014
Cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế	2.230.184.730	1.448.486.591

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các đơn vị trong EVN và NPT	15.786.293.696	38.822.722.731
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	53.922.774.045	59.529.893.947
Cộng	69.709.067.741	98.352.616.678

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 số dư khoản phải thu khách hàng với số tiền là 69.709.067.741VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	184.144.863	184.144.863
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	138.611.000	138.611.000
Ban quản lý dự án Thủy điện 2	156.818.300	156.818.300
Cộng	2.012.336.984	2.012.336.984

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các đơn vị trong EVN và NPT	-	-
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	2.855.276.846	3.319.577.112
Cộng	2.855.276.846	3.319.577.112

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bảo hiểm xã hội	56.181.900	-	50.050.700	-
Phải thu lại của người lao động	56.000.000	-	2.000.000	-
Tạm ứng cho người lao động	8.277.198.826	-	1.779.891.047	-
Các đối tượng khác	191.402.476	-	235.645.971	-
Cộng	8.580.783.202	-	2.067.587.718	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 1		5.919.992.822	4.015.316.154		5.919.992.822	4.015.316.154
- Công ty CP Thủy điện Nho Quế 1		6.037.929.873	4.830.343.898		6.037.929.873	4.830.343.898
- Công ty CP Sông Đà 12 – Nguyễn Lộc		1.619.979.520	-		1.619.979.520	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai		5.318.864.000	2.659.432.000		5.318.864.000	2.659.432.000
- Công ty CP Hoàng Anh – Ban Mê		2.920.004.170	1.460.002.085		2.920.004.170	1.460.002.085
- Công ty CP Năng lượng Nhân Luật		3.054.527.900	1.527.263.950		3.054.527.900	1.527.263.950
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng 533		312.000.000	156.000.000		312.000.000	156.000.000
- Tổng Cty CP Xây dựng Điện VN		3.686.461.336	1.530.276.536		3.686.461.336	1.530.276.536
- Công ty CP Thủy điện Trà Xom		447.936.022	292.244.731		698.142.022	542.450.731
- Công ty CP Thủy điện La Ngâu		3.455.841.709	2.734.849.309		3.455.841.709	2.734.849.309
- Công ty CP Tài chính và Phát triển Năng lượng (FED)		1.955.603.000	929.754.450		2.225.603.000	1.199.754.450
- Công ty CP Thủy điện Bình Định		114.728.435	-		114.728.435	-
- Công ty CP Thủy điện Bản Vẽ		111.906.000	-		111.906.000	-
Cộng		34.955.774.797	20.135.483.113		35.475.980.797	20.655.689.113

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.820.291.684	17.621.929.167
Trích lập bổ sung	-	-
Xử lý nợ khó đòi	-	-
Số cuối năm	14.820.291.684	17.621.929.167

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	481.868.647	-	484.935.680	-
Công cụ, dụng cụ	24.814.016	-	28.052.481	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.554.790.932	-	14.080.252.856	-
Cộng	7.061.473.595	-	14.593.241.017	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí báo quý I/2015	-	5.127.927
Cộng	-	5.127.927

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phần mềm tin học	635.592.925	10.683.416
- Công cụ, dụng cụ	717.709.875	845.004.085
- Xe máy có nguyên giá dưới 30 triệu	12.420.410	28.912.109
- Chi phí khác	3.722.990	4.651.790
Cộng	1.369.446.200	889.251.400

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.104.595.287	7.837.767.082	11.378.793.874	971.425.892	30.292.582.135
Mua sắm mới trong năm	-	134.530.000	1.090.300.000	40.755.000	1.265.585.000
Số cuối năm	10.104.595.287	7.972.297.082	12.469.093.874	1.012.180.892	31.558.167.135

Trong đó:

Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	607.801.473	7.222.575.809	9.908.142.964	570.886.886	18.309.407.132
------------------------------------	-------------	---------------	---------------	-------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	3.816.906.288	7.617.981.309	10.362.855.158	786.748.229	22.584.490.984
Khấu hao trong năm	374.020.611	121.215.541	286.586.107	79.478.051	861.300.210
Số cuối năm	4.190.926.899	7.739.196.850	10.649.441.265	866.226.280	23.445.791.294

Giá trị còn lại

Số đầu năm	6.287.688.999	219.785.773	1.015.938.716	184.677.663	7.708.091.151
Số cuối năm	5.913.668.388	233.100.232	1.819.652.609	145.954.612	8.112.375.841

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất không thời hạn</u>	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.205.252.255	18.762.715.255
Tăng trong năm	-	-	34.768.656	34.768.656
Số cuối năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.240.020.911	18.797.483.911

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	2.003.238.740	2.003.238.740
--	---	---	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.277.415.705	2.096.320.746	3.373.736.451
Khấu hao trong năm	-	149.628.600	47.364.069	196.992.669
Số cuối năm	-	1.427.044.305	2.143.684.815	3.570.729.120
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.093.957.000	8.186.090.295	108.931.509	15.388.978.804
Số cuối năm	7.093.957.000	8.036.461.695	96.336.096	15.226.754.791
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các đơn vị trong EVN và NPT	2.015.794.547	983.545.000
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	8.148.669.547	6.367.476.754
Cộng	10.164.464.094	7.351.021.754

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các đơn vị trong EVN và NPT	26.432.538.077	21.379.828.867
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	6.639.419.290	6.424.711.868
Cộng	33.071.957.367	27.804.540.735

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.642.550.841	8.406.204.753	(10.687.901.436)	2.360.854.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp	549.857.069	1.625.478.640	(2.300.964.329)	(125.628.620)
Thuế thu nhập cá nhân	103.337.450	632.624.278	(564.427.308)	171.534.420
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	3.123.300	(3.123.300)	-
Các loại thuế khác	-	7.627.898	(7.627.898)	-
Cộng	5.295.745.360	10.675.058.869	(13.564.044.271)	2.406.759.958

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.581.039.274	14.779.188.168
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.192.500.000)	(10.384.973.588)
Thu nhập chịu thuế	7.388.539.274	4.394.214.580
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.625.478.641	966.727.208

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	4.733.902.805	12.560.181.688
Cộng	4.733.902.805	12.560.181.688

Quyế lương trong năm được xác định theo theo Quyết định số 65/QĐ-HĐQT ngày 12/3/2015 của Chủ tịch của Hội đồng Quản trị Công ty. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong năm như sau:

- Hoạt động khảo sát tự làm: 530 VND/1.000 đồng doanh thu
- Hoạt động thiết kế tự làm: 510 VND/1.000 đồng doanh thu

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí khảo sát, thiết kế công trình	-	842.760.000
Cộng	-	842.760.000

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.875.614.935	14.148.588.197
- Chi phí lãi vay	215.735.000	809.054.197
- Lãi trái phiếu phải trả	1.659.879.935	8.115.612.000
- Cổ tức	-	5.223.922.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	2.329.435.410	2.576.587.087
Phải trả về cổ phần hóa	2.100.000	2.100.000
Tiền góp vốn vào Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	-	2.640.030.000
Lãi trái phiếu phải trả	48.118.000	48.118.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	49.371.800	23.655.800
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	101.180.284	245.253.734
Cộng	4.405.820.429	19.684.332.818

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-
Vay của Cán bộ Công nhân viên	-	-	3.183.499.000	3.183.499.000
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	1.766.900.000	1.766.900.000
Cộng	-	-	4.950.399.000	4.950.399.000

- (i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hạn mức tín dụng (hạn mức 10.000.000.000 VND) để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Hình thức đảm bảo tiền vay:

- Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại:
 - + 137 Thống Nhất, Phường Vạn Thắng – Nha Trang – Khánh Hòa
 - + 38 Lê Thành Phương, phường Phương Sài – Nha Trang – Khánh Hòa
 - + 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ - Nha Trang – Khánh Hòa
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa và tại các Tổ chức tín dụng khác.
- Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ		Số tiền vay đã trả trong kỳ	Bù trừ công nợ	Số cuối kỳ
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	17.162.710.500	(17.162.710.500)	-	-	-
Vay của Cán bộ Công nhân viên	3.183.499.000	-	(3.183.499.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.766.900.000	-	-	(1.766.900.000)	-	-
Cộng	4.950.399.000	17.162.710.500	(20.346.209.500)	(1.766.900.000)	(1.766.900.000)	-

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.000.000.000	4.000.000.000	7.395.547.182	7.395.547.182
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000	7.395.547.182	7.395.547.182

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo hợp đồng cho vay lại số 01/2008/EVN/TCKT-CPXDĐ4 ngày 15/02/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ01-2008/EVN – TVĐ4 ngày 31/12/2011, số tiền 10.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 9 năm, lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh cộng biên 3%. Trả nợ gốc từ năm 2014 và kết thúc vào năm 2016.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.000.000.000	7.000.000.000
Trên 5 năm	-	395.547.182
Cộng	4.000.000.000	7.395.547.182

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn EVN như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	7.395.547.182	10.332.610.498
Số tiền vay đã trả	(400.558.778)	(18.478.276)
Bù trừ công nợ	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chênh lệch do đánh giá số dư cuối kỳ	5.011.596	81.414.960
Số cuối kỳ	4.000.000.000	7.395.547.182

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm trước	Thưởng từ tập đoàn	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.064.734.174	400.000.000	8.000.000	(1.998.300.000)	2.474.434.174
Quỹ phúc lợi	2.277.968.788	263.797.490	-	(82.600.000)	2.459.166.278
Quỹ thưởng Ban điều hành	1.005.751.000	243.400.000	-	(578.851.000)	670.300.000
Cộng	7.348.453.962	907.197.490	8.000.000	(2.659.751.000)	5.603.900.452

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ
Số đầu năm trước	145.996.140.000	(15.784.110.000)	20.166.292.154	1.721.694.867	4.734.367.616	(745.850.060)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	13.812.460.960	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(4.360.527.300)	-
Số dư cuối kỳ này năm trước	145.996.140.000	(15.784.110.000)	20.166.292.154	1.721.694.867	14.186.301.276	(745.850.060)
Số dư đầu năm nay	145.996.140.000	(15.784.110.000)	20.166.292.154	1.721.694.867	15.442.288.490	(745.850.060)
Tăng trong kỳ	-	-	6.586.968.453	-	10.955.560.634	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(15.442.288.490)	-
Số dư cuối kỳ này năm nay	145.996.140.000	(15.784.110.000)	26.753.260.607	1.721.694.867	10.955.560.634	(745.850.060)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	104.478.440.000	71,56	104.478.440.000	71,56
Các cổ đông khác	41.517.700.000	28,44	41.517.700.000	28,44
Cộng	145.996.140.000	100,00	145.996.140.000	100,00

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.599.614	14.599.614
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.599.614	14.599.614
Số lượng cổ phiếu được mua lại	64.523	64.523
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.535.091	14.535.091

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

9 tháng đầu năm 2015 Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 20 tháng 04 năm 2015 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	14.535.091.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho NLD	:	663.797.490
• Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	:	243.400.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**20a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	107.997,53	378,49

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
- Ban QLDA Xây dựng huyện Krông Hnăng	74.829.000	74.829.000	Khách hàng đã giải thể
- Ban quản lý các dự án đầu tư nguồn vốn ODA Quảng Nam	93.522.683	93.522.683	Khách hàng đã giải thể
- Công ty CP Thủy điện Pờ Ê	700.000.000	700.000.000	Khách hàng đã giải thể
- Công ty CP Xây dựng Công trình Ngầm	2.969.910.000	2.969.910.000	Dự án bị thu hồi
Cộng	3.838.261.683	3.838.261.683	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khảo sát	25.940.320.925	28.590.238.474
Doanh thu hoạt động thiết kế	68.939.052.114	40.420.918.347

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	<u>94.879.373.039</u>	<u>69.011.156.821</u>
2. Giá vốn hàng bán		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khảo sát	18.796.638.184	22.934.726.322
Giá vốn hoạt động thiết kế	50.487.273.389	27.774.359.370
Cộng	<u>69.283.911.573</u>	<u>50.709.085.692</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	291.299.277	22.559.807
Chênh lệch tỷ giá	68.402.743	43.888.970
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.192.500.000	10.385.000.000
Cộng	<u>5.552.202.020</u>	<u>10.451.448.777</u>
4. Chi phí tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	238.047.675	902.212.893
Chi phí chênh lệch tỷ giá	4.721.671	42.490.466
Cộng	<u>242.769.346</u>	<u>944.703.359</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.025.033.300	6.450.962.600
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	309.010.136	263.399.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.355.014	32.529.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	692.979.523	582.893.290
Chi phí khác	7.175.741.847	5.832.749.510
Cộng	<u>18.243.119.820</u>	<u>13.162.533.967</u>
6. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi hoàn chi phí đào tạo	-	128.800.000
Thu nhập khác	885.000	4.132.000
Cộng	<u>885.000</u>	<u>132.932.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	81.620.046	-
Nộp phạt thuế	-	26.412
Cộng	81.620.046	26.412

8. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.581.039.274	13.812.460.960
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	12.581.039.274	13.812.460.960
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.535.091	14.535.091
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	754	950

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.535.091	14.535.091
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.535.091	14.535.091

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.949.250.679	4.044.102.045
Chi phí nhân công	50.125.166.508	37.946.838.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.058.292.979	1.208.361.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.565.589.297	9.663.945.610
Chi phí khác	13.303.270.006	11.122.746.254
Cộng	80.001.569.469	63.985.994.168

Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng

Vũ Thành Danh

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2015

Tổng giám đốc



Phạm Minh Sơn



EVN PECC4

TRỤ SỞ CHÍNH

11 Hoàng Hoa Thám, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: 058. 3563 999 - 058. 3823 780 • Fax: 058. 3563 888 - 058. 3824 208
Email: tv4@pecc4.vn • Website: www.pecc4.vn

CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Lô 3, TT4, Ngõ 183, Phố Hoàng Văn Thái
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 04. 22183872 - 04. 22183870 • Fax: 04. 6285 5759
Email: pecc4cnphiabac@gmail.com

CHI NHÁNH PHÍA NAM

Số 28 B Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: 08. 35268347 • Fax: 08. 35267790 • Email: tv4vpphanam@vnn.vn